

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tuyển	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban	
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2018
Ông Trần Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018
Bà Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2018

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Giác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Anh Toàn**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



*Phạm Anh Tuấn*

*Nguyễn Tuấn Anh*

**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019*





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>52.648.083.642</b>	<b>43.220.030.197</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.192.324.306	18.238.095.077
111	1. Tiền		28.192.324.306	18.238.095.077
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>1.314.944.003</b>	<b>1.952.494.059</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	513.764.800	819.979.680
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	341.054.600	663.033.957
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	460.124.603	469.480.422
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		540.815.333	429.441.061
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	540.815.333	429.441.061
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>74.891.476.162</b>	<b>81.148.735.756</b>
220	II. Tài sản cố định		<b>73.712.017.496</b>	<b>79.540.601.181</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	72.888.343.090	79.197.449.659
222	- Nguyên giá		166.496.201.807	161.926.526.355
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.607.858.717)	(82.729.076.696)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	823.674.406	343.151.522
228	- Nguyên giá		2.272.988.682	1.468.738.182
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.449.314.276)	(1.125.586.660)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	1.179.458.666	1.608.134.575
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.179.458.666	1.608.134.575
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>127.539.559.804</b>	<b>124.368.765.953</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	Đã điều chỉnh VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.131.827.639</b>	<b>15.433.254.603</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.131.827.639</b>	<b>15.433.254.603</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.393.468.912	4.245.364.367
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.182.934.869	1.233.244.708
314	3. Phải trả người lao động		7.211.498.735	7.900.497.535
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	6.181.818
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	232.739.515	163.602.267
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	512.327.061	444.806.490
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.598.858.547	1.439.557.418
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>111.407.732.165</b>	<b>108.935.511.350</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>111.407.732.165</b>	<b>108.935.511.350</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.180.000.000	1.900.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.212.102.791	12.019.881.976
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.142.404.977	609.423.955
421b	LNST chưa phân phối năm nay		11.069.697.814	11.410.458.021
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>127.539.559.804</b>	<b>124.368.765.953</b>

*Xoa*

*Thạch Thị Kim Nga*



Vũ Thị Loan  
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	142.873.555.998	133.893.272.851
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.873.555.998	133.893.272.851
11	4. Giá vốn hàng bán	19	116.759.430.190	108.163.265.007
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.114.125.808	25.730.007.844
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.468.391.744	943.267.355
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	9.388.316.922	8.728.599.733
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.194.200.630	17.944.675.466
31	11. Thu nhập khác	22	99.568.167	30.357.280
32	12. Chi phí khác	23	1.052.879.982	252.542.099
40	13. Lợi nhuận khác		(953.311.815)	(222.184.819)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.240.888.815	17.722.490.647
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Doanh nghiệp		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp		14.184.888.815	14.666.490.647
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	3.115.191.001	3.256.032.626
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.069.697.814</u>	<u>11.410.458.021</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.165	1.201

*Xoan*

*[Signature]*



Vũ Thị Loan  
 Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2018  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.240.888.815	17.722.490.647
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.425.752.393	11.433.291.370
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(941.412.216)	(870.131.084)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		429.724.637	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.154.953.629	28.285.650.933
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		669.831.622	(749.244.322)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.052.770.753)	(646.293.951)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(111.374.272)	919.314.218
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.341.088.251)	(3.506.547.758)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.738.175.870)	(3.165.545.122)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.581.376.105	21.137.333.998
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.458.007.326)	(9.507.705.769)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.272.728)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.436.110.178	807.857.355
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.028.169.876)	(18.699.848.414)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Năm 2018*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	Đã điều chỉnh VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.598.977.000)	(4.693.978.500)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(5.598.977.000)</i>	<i>(4.693.978.500)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.954.229.229	(2.256.492.916)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.238.095.077	20.494.587.993
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.192.324.306</u>	<u>18.238.095.077</u>

*Xoan*

*[Signature]*



Vũ Thị Loan  
Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** *Năm 2018*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

**Địa chỉ**

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

**Hoạt động kinh doanh chính**

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe



## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông-tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích cho thuê hoặc quản trị được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.



Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

### **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.14 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### **2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

KS. M.S. DUY \* H H N

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.16 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### **b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

### 2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm 2018, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	302.886.000	140.474.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.439.665.508	17.012.196.077
Tiền đang chuyển	1.449.772.798	1.085.425.000
	<b>28.192.324.306</b>	<b>18.238.095.077</b>

## 4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000	22.600.000.000
	<b>22.600.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>

(\*) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 5,8% /năm - 6,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	92.782.000	-	-	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải Hà Nội	142.419.000	-	149.244.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	136.269.000	-	136.440.000	-
Phải thu khách hàng khác	142.294.800	-	534.295.680	-
	<b>513.764.800</b>	<b>-</b>	<b>819.979.680</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>406.023.800</b>	<b>-</b>	<b>566.520.600</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	134.165.000	-	54.240.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinaconex	120.000.000	-	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Mặt trời Hoàn Cầu	86.889.600	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	-	-	488.793.957	-
	<b>341.054.600</b>	<b>-</b>	<b>663.033.957</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	391.567.122	-	359.285.556	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.168.820	-	4.482.004	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	8.562.215	-	16.033.425	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	5.468.096	-
Tạm ứng	-	-	10.000.000	-
Phải thu khác	43.826.446	-	74.211.341	-
	<b>460.124.603</b>	<b>-</b>	<b>469.480.422</b>	<b>-</b>

**8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>832.034.666</b>	<b>1.260.710.575</b>
- Dự án Bến xe Khuyến Lương (1)	-	428.675.909
- Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam (2)	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (3)	196.078.302	196.078.302
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>347.424.000</b>	<b>347.424.000</b>
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành (4)	347.424.000	347.424.000
	<b>1.179.458.666</b>	<b>1.608.134.575</b>

(1): Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 14/04/2018, Đại Hội đồng cổ đông Công ty quyết định dừng triển khai Dự án Bến xe Khuyến Lương do không mang lại hiệu quả kinh tế. Công ty đã ghi giảm toàn bộ các chi phí đang tập hợp cho dự án vào chi phí khác trong năm 2018, chi tiết tại thuyết minh số 23.

(2): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2018, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2018, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án.

(4): Dự án Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành nhằm phục vụ cho công tác giám sát tại các bến xe, quản lý theo dõi các xe ra vào bến xe thuộc Công ty. Đến thời điểm 31/12/2018, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến mảng cơ sở hạ tầng của dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	144.518.697.585	1.616.797.274	7.385.160.738	8.405.870.758	161.926.526.355					
- Mua trong năm	-	-	-	1.867.255.012	1.867.255.012					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.446.369.996	-	-	-	4.446.369.996					
- Thanh lý, nhượng bán	(1.111.450.756)	-	(632.498.800)	-	(1.743.949.556)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>147.853.616.825</b>	<b>1.616.797.274</b>	<b>6.752.661.938</b>	<b>10.273.125.770</b>	<b>166.496.201.807</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	72.209.615.670	1.396.440.388	3.909.058.945	5.213.961.693	82.729.076.696					
- Khấu hao trong năm	9.388.704.100	57.264.240	986.479.404	1.669.577.033	12.102.024.777					
- Thanh lý, nhượng bán	(590.743.956)	-	(632.498.800)	-	(1.223.242.756)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>81.007.575.814</b>	<b>1.453.704.628</b>	<b>4.263.039.549</b>	<b>6.883.538.726</b>	<b>93.607.858.717</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	72.309.081.915	220.356.886	3.476.101.793	3.191.909.065	79.197.449.659					
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>66.846.041.011</b>	<b>163.092.646</b>	<b>2.489.622.389</b>	<b>3.389.587.044</b>	<b>72.888.343.090</b>					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.333.766.288 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tại thời điểm 31/12/2018, tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán, phần mềm lập hoá đơn, phần mềm quản lý thông tin bán vé với tổng nguyên giá là 2.272.988.682 đồng, hao mòn lũy kế là 1.449.314.276 đồng, chi phí khấu hao trong năm 2018 là 323.727.616 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 938.920.000 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	540.815.333	429.441.061
	<u><b>540.815.333</b></u>	<u><b>429.441.061</b></u>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	857.459.000	857.459.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	1.013.486.000	1.013.486.000	1.207.400.000	1.207.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Công nghệ Thông Minh	903.387.000	903.387.000	536.118.000	536.118.000
Phải trả các đối tượng khác	2.619.136.912	2.619.136.912	2.501.846.367	2.501.846.367
	<u><b>5.393.468.912</b></u>	<u><b>5.393.468.912</b></u>	<u><b>4.245.364.367</b></u>	<u><b>4.245.364.367</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	401.222.496	9.517.910.197	9.310.794.744	-	608.337.949
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	728.089.456	3.116.239.729	3.341.088.251	-	503.240.934
Thuế Thu nhập cá nhân	-	103.932.756	460.251.563	492.828.338	-	71.355.986
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.898.469.337	1.898.469.337	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>1.233.244.708</b>	<b>14.998.870.831</b>	<b>15.049.180.670</b>	-	<b>1.182.934.869</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	230.109.514	162.730.448
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2.630.001	871.819
	<u><b>232.739.515</b></u>	<u><b>163.602.267</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	275.964.430	160.625.171
- Bảo hiểm xã hội	-	10.467.700
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.536.296	7.703.100
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	213.924.520	112.901.520
- Phải trả tiền Tổng công ty vận tải Hà Nội trả hộ	-	127.646.719
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.901.815	25.462.280
	<u><b>512.327.061</b></u>	<u><b>444.806.490</b></u>

01  
CỔ  
HỖI  
HÀNG  
A  
DAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**  
Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	-	-	9.882.275.781	104.897.905.155				
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.410.458.021	11.410.458.021				
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.900.000.000	-	(9.882.275.781)	(7.982.275.781)				
Tặng khác	-	-	-	-	609.423.955	609.423.955				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>1.900.000.000</b>	<b>1.900.000.000</b>	<b>12.019.881.976</b>	<b>108.935.511.350</b>				
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	1.900.000.000	1.900.000.000	12.019.881.976	108.935.511.350				
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.069.697.814	11.069.697.814				
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.280.000.000	-	(10.877.476.999)	(8.597.476.999)				
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>4.180.000.000</b>	<b>4.180.000.000</b>	<b>12.212.102.791</b>	<b>111.407.732.165</b>				

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 14/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế để phân phối	100,00%	10.877.476.999
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,96%	2.280.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành	26,64%	2.897.476.999
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	52,40%	5.700.000.000





**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,35%	15.538.440.000	16,35%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	95.000.000.000	95.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	112.901.520	56.880.020
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.700.000.000	4.750.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.700.000.000	4.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(5.598.977.000)	(4.693.978.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.598.977.000)	(4.693.978.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>213.924.520</u>	<u>112.901.520</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.180.000.000	1.900.000.000
	<b>4.180.000.000</b>	<b>1.900.000.000</b>

**17 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khảm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	120.078.247.936	112.198.964.516
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	22.795.308.062	21.694.308.335
	<b>142.873.555.998</b>	<b>133.893.272.851</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan	<b>6.782.510.548</b>	<b>5.947.384.355</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>		

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	97.903.930.190	90.853.859.179
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	18.855.500.000	17.309.405.828
	<b>116.759.430.190</b>	<b>108.163.265.007</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.468.391.744	943.267.355
	<b>1.468.391.744</b>	<b>943.267.355</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361.775.967	104.781.887
Chi phí nhân công	6.259.695.414	5.459.900.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.215.772.649	654.240.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	594.011.380	829.301.715
Chi phí khác bằng tiền	957.061.512	1.680.374.837
	<b>9.388.316.922</b>	<b>8.728.599.733</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	95.454.545	-
Tiền phạt thu được	4.000.000	11.000.000
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ hỏng	-	9.090.909
Thu nhập khác	113.622	10.266.371
	<b>99.568.167</b>	<b>30.357.280</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	622.434.073	73.136.271
Các khoản bị phạt	1.770.000	179.405.828
Điều chỉnh chi phí dự án Bến xe Khuyến Lương	428.675.909	-
	<b>1.052.879.982</b>	<b>252.542.099</b>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.184.888.815	14.666.490.647
Các khoản điều chỉnh tăng	1.391.066.192	1.613.672.482
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.391.066.192</i>	<i>1.613.672.482</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	15.575.955.007	16.280.163.129
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.115.191.001</b>	<b>3.256.032.626</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	244.230.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	1.048.728	847.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	728.089.456	733.526.839
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.341.088.251)	(3.506.547.758)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>503.240.934</b>	<b>728.089.456</b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.069.697.814	11.410.458.021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.069.697.814	11.410.458.021
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.165</b>	<b>1.201</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.862.867.054	1.824.338.073
Chi phí nhân công	57.593.393.370	51.285.238.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.425.752.393	11.433.291.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.430.020.935	20.070.041.036
Chi phí khác bằng tiền	20.835.713.360	32.373.869.518
	<b><u>126.147.747.112</u></b>	<b><u>116.986.778.234</u></b>

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.324.306	-	18.238.095.077	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	973.889.403	-	1.289.460.102	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<b><u>51.766.213.709</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>42.127.555.179</u></b>	<b><u>-</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	5.905.795.973	4.690.170.857
Chi phí phải trả	-	6.181.818
	<b><u>5.905.795.973</u></b>	<b><u>4.696.352.675</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.192.324.306	-	-	28.192.324.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	973.889.403	-	-	973.889.403
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<b>51.766.213.709</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.766.213.709</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.238.095.077	-	-	18.238.095.077
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.289.460.102	-	-	1.289.460.102
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<b>42.127.555.179</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>42.127.555.179</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.905.795.973	-	-	5.905.795.973
	<u>5.905.795.973</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.905.795.973</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.690.170.857	-	-	4.690.170.857
Chi phí phải trả	6.181.818	-	-	6.181.818
	<u>4.696.352.675</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.696.352.675</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Cùng Công ty mẹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>6.782.510.548</b>	<b>5.947.384.355</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	29.422.727	-
Trung tâm Tân Đạt	647.618.723	705.052.726
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	573.598.177	452.518.364
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	540.229.091	106.559.999
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	371.713.630	800.776.359
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	1.448.959.088	1.447.527.269
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	1.571.175.462	1.478.156.367
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	-	15.897.272
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	717.880.912	163.525.091
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	881.912.738	777.370.908
<b>Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b>3.056.000.000</b>	<b>3.056.000.000</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.056.000.000	3.056.000.000
<b>Cổ tức</b>	<b>3.822.240.000</b>	<b>3.185.200.000</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	3.822.240.000	3.185.200.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>406.023.800</b>	<b>566.520.600</b>
Trung tâm Tân Đạt	-	81.332.000
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	11.204.200	45.558.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	9.837.000	10.053.000
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	-	130.363.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	136.269.000	136.440.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	142.419.000	149.244.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	13.512.600	13.530.600
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	92.782.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	591.400.000	499.950.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	818.000.000	705.500.000

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 căn cứ trên Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2017 của Công ty cổ phần Bến xe Hà Nội. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tiền	111	18.238.094.903	18.238.095.077	174	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	465.544.422	469.480.422	3.936.000	(2)
Tài sản cố định hữu hình	221	77.773.021.620	79.197.449.659	1.424.428.039	(2), (3)
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>160.407.184.822</i>	<i>161.926.526.355</i>	1.519.341.533	(2), (3)
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(82.634.163.202)</i>	<i>(82.729.076.696)</i>	(94.913.494)	(2), (3)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	947.285.646	1.233.244.708	285.959.062	(2), (3)
Phải trả ngắn hạn khác	319	444.806.316	444.806.490	174	(1)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.877.476.999	12.019.881.976	1.142.404.977	(2), (3)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	109.591.271.228	108.163.265.007	(1.428.006.221)	(2), (3)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.970.431.382	3.256.032.626	285.601.244	(2), (3)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.268.053.044	11.410.458.021	1.142.404.977	(2), (3)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- (1) Điều chỉnh tăng tiền mặt và phải trả ngắn hạn khác số tiền 174 đồng do Công ty làm tròn tiền lẻ;
- (2) Điều chỉnh tăng phải thu ngắn hạn khác và tăng thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp số tiền 357.818 đồng; tăng phải thu ngắn hạn khác và giảm nguyên giá tài sản cố định số tiền 3.578.182 đồng liên quan đến loại trừ hóa đơn mua vào Công ty đã ghi tăng tài sản cố định hữu hình. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế và giá vốn hàng bán giảm số tiền là 496.976 đồng, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng tương ứng là 99.395 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi nhuận sau thu nhập doanh nghiệp tăng 397.581 đồng;
- (3) Điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định và giảm giá vốn hàng bán số tiền 1.522.919.715 đồng do Công ty đang ghi nhận chi phí xây dựng làm mới một số công trình vào giá vốn hàng bán. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế và giá vốn hàng bán tăng số tiền là 95.410.470 đồng, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng tương ứng là 285.501.849 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi nhuận sau thu nhập doanh nghiệp tăng 1.142.007.396 đồng

**Vũ Thị Loan**  
Người lập

**Thạch Thị Kim Nga**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Anh Toàn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2019

